

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN AN LÃO  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2020/HS-ST  
Ngày 02-12-2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Duyên

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Phạm Quang Quỳnh

Bà Trần Thị Thanh.

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Lương Đăng Bùi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão tham gia phiên tòa:*** Bà Trương Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 12 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 40/2020/TLST- HS ngày 02 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 187/2020/QĐXXST- HS ngày 18 tháng 11 năm 2020 đối với bị cáo:

Phạm Văn T, tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Tổ dân phố H, thị trấn A, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị T; có vợ là Dương Thị N và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 27 tháng 8 năm 2020 đến ngày 05 tháng 9 năm 2020 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an thành phố Hải Phòng; có mặt.

***- Bị hại:*** Cháu Đình Thị D;

***- Đại diện hợp pháp của bị hại:*** Anh Đình Xuân K (là bố đẻ của bị hại), cùng nơi cư trú: Thôn T, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng, đều vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

***- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*** Anh Trần Văn H và chị Phạm Thị Y; cùng nơi cư trú: Tổ dân phố H, thị trấn A, huyện A, thành phố Hải Phòng, đều có mặt.

- *Những người làm chứng:* Bà Nguyễn Thị T, có mặt, anh Nguyễn Văn C, anh Nguyễn Văn H, cháu Đinh Thị Vân A và đại diện hợp pháp là anh Bùi Thanh T, đều vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng hơn 20 giờ ngày 26 tháng 8 năm 2020, Phạm Văn T điều khiển xe mô tô YAMAHA Nouvo LX màu vàng nâu BKS: 16R4-2992 theo hướng từ thị trấn A về ngã tư Q. Đến khu vực thôn Đ, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng, Tiến phát hiện thấy cùng chiều phía trước có chị Đinh Thị Vân A điều khiển xe máy điện chở bạn là chị Đinh Thị D ngồi sau. Quan sát thấy túi quần phía sau bên phải của chị D có 01 chiếc điện thoại di động, T nảy sinh ý định chiếm đoạt nên đã điều khiển xe chạy vượt lên áp sát bên phải xe của chị D và dùng tay trái rút chiếc điện thoại rồi chạy xe về hướng ngã tư Q đi theo hướng cầu V. Đến cổng trường Trung học phổ thông A, T dừng xe lại mặc áo dài tay, tháo 02 chiếc sim trong điện thoại của chị D bỏ vào trong cốp xe. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, T mang chiếc điện thoại trên đến quán M Mobile ở ngã tư Q để nhờ anh H phá mật khẩu. Anh H đưa cho T 01 chiếc điện thoại Iphone 6 của T đang sửa chữa tại đó về dùng tạm.

Sau khi bị mất tài sản, chị D đã đến Cơ quan Công an trình báo. Qua xác minh, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện An Lão đã xác định Phạm Văn T là người đã chiếm đoạt chiếc điện thoại của chị D. Công an huyện An Lão tiến hành triệu tập ghi lời khai, T đã thừa nhận toàn bộ hành vi cướp giật chiếc điện thoại của chị D như đã nêu trên. Ngày 27 tháng 8 năm 2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện An Lão đã ra Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Phạm Văn T. Vật chứng thu giữ gồm: 01 chiếc xe mô tô YAMAHA Nouvo LX màu vàng nâu BKS: 16R4-2992, 01 đăng ký xe mô tô mang tên Nguyễn Văn T, trong cốp xe có 02 sim điện thoại (Viettel 8984048000060042218 và V// 89840509201223991871) và 01 điện thoại VSmartJOY2<sup>+</sup> màu hồng tím.

Bản Kết luận định giá số 22/KL-ĐG ngày 03 tháng 9 năm 2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện An Lão kết luận: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VSmart JOY2<sup>+</sup> màu hồng tím model V420 có số IMEI 1: 356743103475054, số IMEI 2: 356743103475062 (đã qua sử dụng) trị giá 1.200.000đ (một triệu hai trăm nghìn đồng).

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện An Lão, Phạm Văn T khai nhận toàn bộ nội dung sự việc như đã nêu trên. Lời khai của bị hại và người làm chứng đều thống nhất như nội dung đã nêu trên. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là vợ chồng anh Trần Văn H và chị Phạm Thị Y khai: Xe mô tô YAMAHA Nouvo LX màu vàng nâu BKS: 16R4-2992, 01 đăng ký xe mang tên

Nguyễn Văn T do anh H mua lại của cửa hàng mua bán xe máy T ở thị trấn A. Anh Nguyễn Văn T là người có tên trong giấy đăng ký xe cũng trình bày anh mua và đã bán lại chiếc xe trên cho cửa hàng mua bán xe máy T ở thị trấn A, giấy đăng ký xe vẫn đứng tên của anh. Chủ cửa hàng xe máy cũng thừa nhận việc mua và bán lại chiếc xe này cho anh H như đã nêu trên. Anh H, chị Y đều trình bày không biết việc T sử dụng xe làm phương tiện phạm tội.

Tại Cáo trạng số 42/CT-VKS ngày 30 tháng 10 năm 2020 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng đã truy tố Phạm Văn T về tội “*Cướp giật tài sản*” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Văn T đã khai nhận toàn bộ nội dung, diễn biến như cáo trạng đã nêu, bị cáo tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng đều khai thống nhất như đã trình bày tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện An Lão. Chị Y và anh H có nguyện vọng được nhận lại xe xe mô tô YAMAHA Nouvo LX màu vàng nâu BKS: 16R4-2992 và 01 đăng ký xe mang tên Nguyễn Văn T.

Đại diện Viện Kiểm sát trình bày lời luận tội: Sau khi phân tích, đánh giá tính chất vụ án, tính chất mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đặc điểm nhân thân của bị cáo đã giữ nguyên quan điểm truy tố theo Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điểm d khoản 2 Điều 171; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự: Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội “*Cướp giật tài sản*”; về mức hình phạt: Đề nghị xử phạt Phạm Văn T mức án từ 42 (bốn mươi hai) tháng tù đến 48 (bốn mươi tám) tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về xử lý vật chứng: VSmart JOY2<sup>+</sup> và 02 sim điện thoại là tài sản hợp pháp của chị D nên Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại cho chị D là phù hợp. Anh H và chị Y không biết việc T sử dụng xe mô tô YAMAHA Nouvo LX màu vàng nâu BKS: 16R4-2992 làm phương tiện để cướp giật tài sản nên cần trả lại cho anh H và chị Y và buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Đối với hành vi của anh Nguyễn Văn H không bị xử lý là phù hợp với các quy định của pháp luật.

Ý kiến của bị cáo: Về tội danh, về căn cứ pháp luật áp dụng: Không tranh luận. Về hình phạt: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện An Lão, thành phố Hải Phòng, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão

thành phố Hải Phòng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về tội danh:

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, biên bản thu giữ vật chứng, phù hợp với kết luận giám định, biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, và phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy đã có đủ cơ sở kết luận như sau: Vào khoảng hơn 20 giờ ngày 26 tháng 8 năm 2020, tại trục đường theo hướng từ thị trấn A về ngã tư Q, huyện A, thành phố Hải Phòng, Phạm Văn T đã có hành vi sử dụng phương tiện là mô tô áp sát và giật điện thoại trong túi quần bên phải, phía sau của chị Đinh Thị D. Theo hướng dẫn tại tiêu mục 5.3, mục 5, phần I của Thông tư liên tịch số 02/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BTP ngày 25 tháng 12 năm 2001 của Tòa án nhân dân Tối cao-Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao-Bộ Tư pháp thì việc dùng mô tô đi cướp giật tài sản của người khác là “*Dùng thủ đoạn nguy hiểm*”. Do vậy hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự như Cáo trạng số 42/CT-VKS ngày 30 tháng 10 năm 2020 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng đã truy tố đối với bị cáo Phạm Văn T là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt đối với bị cáo: Tính chất của vụ án là nghiêm trọng, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những đã xâm phạm đến quyền sở hữu của công dân là khách thể được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự trị an xã hội. Hơn nữa việc sử dụng xe máy làm phương tiện để cướp giật tài sản của người khác tiềm ẩn nhiều nguy hiểm cho bị hại và những người tham gia giao thông. Do vậy căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đặc điểm nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian, xử phạt bị cáo ở trên mức khởi điểm của khung hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự như đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão tại phiên tòa

mới đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung, đồng thời thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, không có tài sản riêng có giá trị lớn nên không áp dụng phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng: Chiếc điện thoại di ddoognj VSmart JOY2<sup>+</sup> và 02 sim điện thoại là tài sản hợp pháp của chị D nên Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại cho chị D là phù hợp. Anh Hưng và chị Yến không biết việc bị cáo sử dụng xe mô tô làm phương tiện để cướp giật tài sản nên cần cần áp dụng quy định tại khoản 1, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự để trả lại cho anh Trần Văn H và chị Phạm Thị Y 01 xe mô tô YAMAHA Nouvo LX màu vàng nâu BKS: 16R4-2992 và 01 đăng ký xe mô tô 003245 mang tên Nguyễn Văn T.

[8] Đối với hành vi của anh Nguyễn Văn H: Anh H có nhận chiếc điện thoại VSmart JOY2<sup>+</sup> do T mang đến hỏi giá, sau đó để lại chiếc điện thoại này và lấy chiếc điện thoại Iphone 6 về. Anh H không biết được đó là tài sản do phạm tội mà có. Anh H cũng không cầm cố, mua bán, trao đổi điện thoại nêu trên. Do vậy Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện An Lão không xử lý đối với anh H là phù hợp với các quy định của pháp luật.

[9] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại và đại diện hợp pháp cho bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo bản án theo Điều 331 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; khoản 1, điểm a khoản 3 Điều 106 Điều 135, Điều 136 và Điều 331 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 42 (bốn mươi hai) tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ là ngày 27 tháng 8 năm 2020.

- Trả lại anh Trần Văn H và chị Phạm Thị Y 01 xe mô tô YAMAHA Nouvo LX màu vàng nâu BKS: 16R4-2992 và 01 đăng ký mô tô số 003245 mang tên

Nguyễn Văn T (theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 03 tháng 11 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão).

- Về án phí: Buộc bị cáo Phạm Văn T phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo bản án: Bị cáo Phạm Văn T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án là anh Trần Văn H và chị Phạm Thị Y có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người đại diện hợp pháp cho bị hại được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

***Nơi nhận:***

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- PV 06; PC10 Công an TP. Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện An Lão;
- Cơ quan CSĐT CA huyện An Lão;
- Cơ quan THAHS huyện An Lão;
- Chi cục THADS huyện An Lão;
- Bị cáo; người có QLNVLQ;
- Bị hại và đại diện hợp pháp;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Duyên**